

CÔNG TY CP SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05- 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 37

28-C
TY
HỮU H
A ĐỊNH C
NAM
- TP.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Khúc Ngọc Giảng	Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Tùng	Thành viên
Ông Bùi Sơn Hải	Thành viên
Ông Trần Đại Nghĩa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Phạm Thanh Tùng	Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Ông Trần Đại Nghĩa	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Quốc An	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO



Phạm Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Phê duyệt, ngày 02 tháng 8 năm 2026

Số: 0408.02-26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2026

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 02/8/2026, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ngô Bá Duy
Phó Tổng giám đốc – Giám đốc kiểm toán
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1107-2023-034-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/6/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.079.895.363.640	2.092.968.472.768
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	47.054.400.494	26.106.016.361
1 Tiền	111		47.054.400.494	16.076.427.320
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	10.029.589.041
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		192.272.301.370	236.913.260.274
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2.	192.272.301.370	236.913.260.274
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		291.587.913.780	66.105.549.243
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	297.410.086.317	56.121.688.883
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	17.886.671.779	35.259.669.960
3 Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5.	1.595.944.982	125.979.698
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(25.304.789.298)	(25.401.789.298)
IV Hàng tồn kho	140	V.7.	1.502.213.132.360	1.705.276.519.592
1 Hàng tồn kho	141		1.502.213.132.360	1.705.276.519.592
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
VI Tài sản ngắn hạn khác	160		46.767.615.636	58.567.127.298
1 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.11.	8.387.382.105	5.521.158.996
2 Thuế GTGT được khấu trừ	162		38.380.233.531	49.365.315.142
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.14.	-	3.680.653.160
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		506.745.640.338	421.229.421.724
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		470.905.940.558	371.746.735.933
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	470.587.273.895	371.348.069.266
- Nguyên giá	222		1.880.058.361.186	1.744.094.823.592
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.409.471.087.291)	(1.372.746.754.326)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	318.666.663	398.666.667
- Nguyên giá	228		3.987.306.268	3.987.306.268
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.668.639.605)	(3.588.639.601)
V Tài sản dở dang dài hạn	250		20.016.046.626	32.586.980.985
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.10.	20.016.046.626	32.586.980.985
VI Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2.	6.844.000.000	6.844.000.000
1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		6.844.000.000	6.844.000.000
VII Tài sản dài hạn khác	270		8.979.653.154	10.051.704.806
1 Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.11.	8.979.653.154	10.051.704.806
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		2.586.641.003.978	2.514.197.894.492

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/6/2026	01/01/2026
C NỢ PHẢI TRẢ	300		1.080.367.522.142	1.041.251.952.451
I Nợ ngắn hạn	310		1.080.367.522.142	1.041.251.952.451
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	141.354.564.927	175.225.977.365
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	1.109.937.174	14.571.948.428
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.14.	4.223.395.216	13.070.339.989
4 Phải trả người lao động	315		185.943.027.338	77.922.026.331
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15.	49.659.362.323	12.552.011.869
6 Phải trả ngắn hạn khác	320	V.16.	32.065.261.465	18.952.253.503
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.17.	639.533.983.345	712.680.254.070
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		26.477.990.354	16.277.140.896
II Nợ dài hạn	330		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.506.273.481.836	1.472.945.942.041
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.128.564.000.000	1.128.564.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.128.564.000.000	1.128.564.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		175.374.140.833	142.528.747.417
3 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		15.342.262.775	15.342.262.775
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		186.993.078.228	186.510.931.849
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		136.526.091.725	22.283.964.767
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		50.466.986.503	164.226.967.082
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.586.641.003.978	2.514.197.894.492

Phê duyệt, ngày 02 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CP SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Hải Yến

Lê Hồng Thắng

Phạm Thanh Tùng

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	2.314.901.921.173	2.780.549.169.447
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	79.355.789.546	112.821.945.500
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.235.546.131.627	2.667.727.223.947
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	1.978.914.324.329	2.265.363.288.268
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		256.631.807.298	402.363.935.679
6 Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4.	6.869.818.620	17.873.849.351
7 Chi phí tài chính	23	VI.5.	22.998.273.271	13.400.742.136
Trong đó: Chi phí đi vay	24		22.543.530.012	13.329.196.620
8 Chi phí bán hàng	25	VI.6.	73.452.260.392	103.565.346.900
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	106.534.822.198	150.352.069.172
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+21-22-(23+25+26)}	30		60.516.270.057	152.919.626.822
11 Thu nhập khác	31	VI.7.	2.706.349.886	2.796.537.604
12 Chi phí khác	32	VI.8.	4.136.809	463.462.756
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.592.213.077	2.333.074.848
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		63.108.483.134	155.252.701.670
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10.	12.641.496.631	32.216.631.334
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		50.466.986.503	123.036.070.336
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	402	981

Phê duyệt, ngày 02 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CP SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hải Yến



Lê Hồng Thắng



Phạm Thanh Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		63.108.483.134	155.252.701.670
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		44.325.621.363	38.682.630.402
- Các khoản dự phòng	03		(97.000.000)	56.392.498.645
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(9.181.606.020)	(19.355.319.351)
- Chi phí đi vay	06		22.543.530.012	13.329.196.620
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		120.699.028.489	244.301.707.986
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(210.719.629.766)	(568.328.395.222)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		203.063.387.232	333.133.912.122
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		104.195.800.383	83.495.433.783
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.794.171.457)	1.857.430.494
- Chi phí đi vay đã trả	14		(22.643.834.049)	(13.795.730.583)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(21.065.026.761)	(14.517.574.769)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(19.580.093.881)	(6.591.821.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		152.155.460.190	59.554.962.561
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(111.883.370.256)	(66.215.873.464)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.311.787.400	1.481.470.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(180.000.000.000)	(745.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		224.970.410.959	815.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.540.366.565	18.024.789.077
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(58.060.805.332)	23.290.385.613
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.534.156.209.529	1.448.024.249.799
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.607.302.480.254)	(1.527.078.704.213)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(73.146.270.725)	(79.054.454.414)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		20.948.384.133	3.790.893.760
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26.106.016.361	21.620.022.703
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	47.054.400.494	25.410.916.463

Phê duyệt, ngày 02 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CP SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hải Yến

Lê Hồng Thắng

Phạm Thanh Tùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 158/QĐ-HCVN ngày 16/4/2009 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về phê duyệt phương án và chuyển Công ty Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600108471 ngày 29/12/2009. Công ty có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 09/10/2025 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 09/10/2025 thì vốn điều lệ của Công ty là **1.128.564.000.000 đồng** (Một nghìn, một trăm hai mươi tám tỷ, năm trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là LAS.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các loại phân bón và hóa chất.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán lẻ xi măng; Vận tải hàng khách đường bộ khác;
- Bán buôn chất dẻo, phèn, khí công nghiệp; Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật).
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản xuất hóa chất khác dùng trong nông nghiệp ;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật);
- Cho thuê xe ô tô; Cho thuê xe có động cơ khác;
- Dịch vụ bể bơi; Tennis, bóng đá, bóng chuyền;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất phèn, khí công nghiệp
- Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà nghỉ, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

- Tư vấn, thiết kế, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, công trình đường dây, trạm biến áp, các công trình điện thế 35KV. Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn, thẩm định, giám sát thi công các công trình xây dựng. Thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế, dự toán, tổng dự toán công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu và tư vấn giám sát xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế, chế tạo, lắp đặt các thiết bị, dây chuyền sản xuất hóa chất.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; Vận tải hành khách đường thủy nội bộ;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao; Hoạt động thể thao khác;

Trụ sở Công ty tại: Khu Phương Lai, xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp*Danh sách các công ty liên kết:*

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Cơ khí Supe Lâm Thao (*)	Khu Phương Lai, xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	29%	29%
2.	Công ty CP Bao bì và Thương mại Lâm Thao (**)	Khu Phương Lai, xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	30%	30%

(*) Công ty Cổ phần Cơ khí Supe Lâm Thao có hoạt động kinh doanh chính là gia công cơ khí.

(**) Công ty CP Bao bì và Thương mại Lâm Thao có hoạt động kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh bao bì.

Danh sách các đơn vị trực thuộc:

Công ty có 01 Xí nghiệp NPK Hải Dương - Chi nhánh Công ty Cổ phần Supe phát phát và Hóa chất Lâm Thao, địa chỉ tại Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

6. Số lượng nhân viên

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có 1.651 nhân viên đang làm việc (Tại ngày 31/12/2025 là 1.684 nhân viên)

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty CP Supe phát phát và Hóa chất Lâm Thao đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như trình bày tại thuyết minh số VIII.4 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

IV. Các chính sách kế toán, ước tính kế toán và các quy định pháp luật có liên quan áp dụng**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty và Xí nghiệp NPK Hải Dương - Chi nhánh Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Xí nghiệp NPK Hải Dương - Chi nhánh Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này, ngoại trừ số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại thời điểm 30/6/2026, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

8. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
- Máy móc, thiết bị	7 - 15
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 8
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

9. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm khác và website Công ty.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính và website Công ty không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính và website Công ty là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái có khả năng hoạt động.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm: các khoản chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, các khoản chi phí bảo hiểm chờ phân bổ và các khoản chi phí khác.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Chi phí bảo hiểm, chi phí quảng cáo chờ phân bổ được căn cứ theo hợp đồng và hóa đơn tài chính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.

12. Nguyên tắc kế toán phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

13. Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh số cổ tức phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

15. Nguyên tắc ghi nhận vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

16. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán các sản phẩm phân bón, hóa chất và doanh thu bán phế liệu được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tình hình giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

19. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu của Công ty là các khoản chiết khấu thương mại phải trả.

Khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ.

20. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí đi vay và các khoản chi phí tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

22. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

23. Các nghĩa vụ về thuế**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

25. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

26. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo lĩnh vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm phân bón và chủ yếu được phân phối trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Tiền	47.054.400.494	16.076.427.320
Tiền mặt	961.907	22.037.978
Tiền gửi ngân hàng	47.053.438.587	16.054.389.342
+ Tiền gửi không kỳ hạn (VND)	46.716.619.058	15.717.569.813
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Thọ	22.749.903.995	9.172.942.793
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Thọ - Phòng giao dịch Lâm Thao	11.950.510.859	1.271.124.562
Tiền gửi VND tại các ngân hàng khác	12.016.204.204	5.273.502.458
+ Tiền gửi không kỳ hạn (USD)	336.819.529	336.819.529
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Thọ	336.819.529	336.819.529
Các khoản tương đương tiền	-	10.029.589.041
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Phạm Hùng (*)	-	10.029.589.041
Cộng	47.054.400.494	26.106.016.361

(*) Tiền gửi và lãi của Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng. Hợp đồng tiền gửi đã được tất toán trong kỳ.

CÔNG TY CP SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

Địa chỉ: Khu Phương Lai, xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a -DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026			01/01/2026 (Trình bày lại)		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Thọ	15.000.328.767	15.000.328.767	-	30.035.068.494	30.035.068.494	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàng Mai	15.000.000.000	15.000.000.000	-	25.048.328.767	25.048.328.767	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương	20.000.273.973	20.000.273.973	-	20.019.068.493	20.019.068.493	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phú Thọ	101.592.219.178	101.592.219.178	-	121.510.520.548	121.510.520.548	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Lâm Thao	20.548.767.123	20.548.767.123	-	30.248.767.123	30.248.767.123	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Phú Thọ	10.002.493.151	10.002.493.151	-	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan VN - CN Phạm Hùng	10.128.219.178	10.128.219.178	-	10.051.506.849	10.051.506.849	-
Cộng	192.272.301.370	192.272.301.370	-	236.913.260.274	236.913.260.274	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Công ty CP Cơ khí Supe Lâm Thao (1)	2.494.000.000	-	2.494.000.000	-
Công ty CP Bao bì và Thương mại Lâm Thao (2)	4.350.000.000	-	4.350.000.000	-
Cộng (*)	6.844.000.000	-	6.844.000.000	-

(*) Các khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch. Giá trị khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 số 2600398844 ngày 03/6/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp (nay là Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ). Tỷ lệ sở hữu là 29% vốn điều lệ.

(2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 số 260035811 ngày 06/9/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp (nay là Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ). Tỷ lệ sở hữu 30% vốn điều lệ.

(+) Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ:

- + Công ty CP Cơ khí Supe Lâm Thao: cung cấp dịch vụ gia công cơ khí cho Công ty CP Supe Phát phát và Hóa chất Lâm Thao.
- + Công ty CP Bao bì và Thương mại Lâm Thao: cung cấp bao bì cho Công ty CP Supe Phát phát và Hóa chất Lâm Thao.

3. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại tổng hợp Thanh Sơn	76.623.636.833	-	14.468.662.773	-
Hội Nông dân tỉnh Phú Thọ	41.253.166.147	-	-	-
Công ty CP Thương mại Tổng hợp Toàn Văn	19.547.688.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Thủy Ngân	18.836.270.634	-	-	-
Công ty CP Vật tư nông nghiệp II Đà Nẵng	286.652.815	-	7.188.539.568	-
Công ty CP Nam Tiến	8.455.292.917	(8.455.292.917)	8.552.292.917	(8.552.292.917)
Công ty TNHH Anh Đức	12.213.474.600	(12.213.474.600)	12.213.474.600	(12.213.474.600)
Các đối tượng khác	120.193.904.371	(4.636.021.781)	13.698.719.025	(4.636.021.781)
Cộng	297.410.086.317	(25.304.789.298)	56.121.688.883	(25.401.789.298)

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trung tâm khảo kiểm nghiệm phân bón Quốc Gia	6.754.434.800	4.633.224.800
Công ty CP Tập đoàn IPC	-	23.548.471.373
Công ty CP Tư vấn thiết kế giám sát cơ điện 389	3.443.146.328	-
Công ty CP Xây lắp Thương mại và Môi trường Hoàng Thắng	1.734.920.000	949.320.000
Các đối tượng trả trước khác	5.954.170.651	6.128.653.787
Cộng	17.886.671.779	35.259.669.960

5. Phải thu khác

	Đơn vị tính: VND			
	30/6/2026		01/01/2026	
	(Trình bày lại)			
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị dự phòng</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị dự phòng</u>
Ngắn hạn				
Tạm ứng của CBCNV	1.474.861.440	-	6.890.000	-
Các khoản phải thu khác	121.083.542	-	119.089.698	-
Cộng	1.595.944.982	-	125.979.698	-

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

30/6/2026		01/01/2026	
Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;			
Phải thu của khách hàng			
Công ty CP Nam Tiến	8.455.292.917	-	8.552.292.917
Công ty TNHH Anh Đức	12.213.474.600	-	12.213.474.600
Hội nông dân tỉnh Sơn La	3.618.477.439	-	3.618.477.439
Các đối tượng khác	1.017.544.342	-	1.017.544.342
Cộng	25.304.789.298	-	25.401.789.298

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho	Đơn vị tính: VND			
	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	844.178.832.155	-	814.408.560.426	-
Công cụ, dụng cụ	10.057.613.161	-	10.681.471.460	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	394.996.476.954	-	392.313.477.005	-
Thành phẩm	252.980.210.090	-	487.873.010.701	-
Cộng	1.502.213.132.360	-	1.705.276.519.592	-

CÔNG TY CP SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

Địa chỉ: Khu Phương Lai, xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a- DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư ngày 01/01/2026	678.281.305.211	801.503.969.087	200.946.692.416	63.362.856.878	1.744.094.823.592
Mua trong kỳ	-	6.552.975.370	707.769.000	1.663.200.000	8.923.944.370
Đầu tư XD CB hoàn thành	28.314.291.307	105.296.608.829	949.981.482	-	134.560.881.618
Thanh lý, nhượng bán	(119.637.760)	(2.906.019.807)	(4.263.630.827)	(232.000.000)	(7.521.288.394)
Phân loại lại	(1.605.728.945)	6.039.994.741	(3.155.377.371)	(1.278.888.425)	-
Số dư ngày 30/6/2026	704.870.229.813	916.487.528.220	195.185.434.700	63.515.168.453	1.880.058.361.186
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư ngày 01/01/2026	526.453.768.220	627.679.296.425	168.806.665.364	49.807.024.317	1.372.746.754.326
Khấu hao trong kỳ	10.229.108.225	26.800.543.346	4.398.514.462	2.817.455.326	44.245.621.359
Thanh lý, nhượng bán	(119.637.760)	(2.906.019.807)	(4.263.630.827)	(232.000.000)	(7.521.288.394)
Số dư ngày 30/6/2026	536.563.238.685	651.573.819.964	168.941.548.999	52.392.479.643	1.409.471.087.291
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01/01/2026	151.827.536.991	173.824.672.662	32.140.027.052	13.555.832.561	371.348.069.266
Tại ngày 30/6/2026	168.306.991.128	264.913.708.256	26.243.885.701	11.122.688.810	470.587.273.895

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/6/2026: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 821.775.932.015 VND (Tại ngày 31/12/2025 là: 756.671.039.860 VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm kế toán và phần mềm khác	Website Công ty	Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2026	3.530.685.268	456.621.000	3.987.306.268
Số dư ngày 30/6/2026	3.530.685.268	456.621.000	3.987.306.268
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2026	3.132.018.601	456.621.000	3.588.639.601
Khấu hao trong kỳ	80.000.004	-	80.000.004
Số dư ngày 30/6/2026	3.212.018.605	456.621.000	3.668.639.605
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2026	398.666.667	-	398.666.667
Tại ngày 30/6/2026	318.666.663	-	318.666.663

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.507.306.268 VND (Tại ngày 31/12/2025: 3.507.306.268 VND)

*) Danh sách TSCĐ vô hình đang hiện hữu có giá trị trên 10% tổng giá trị TSCĐ vô hình như sau:

Tại ngày 30/6/2026

VND

Tên TSCĐ	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm quản lý bán hàng	1.405.497.268	1.405.497.268	-
Phần mềm kế toán	674.008.000	674.008.000	-
Cổng thông tin điện tử công ty (Website)	456.621.000	456.621.000	-
Phần mềm quản lý văn bản và điều hành E-Office	971.180.000	971.180.000	-
Phần mềm bán hàng	480.000.000	161.333.337	318.666.663
Cộng	3.987.306.268	3.668.639.605	318.666.663

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

30/6/2026

01/01/2026

VND

VND

Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

18.533.268.211

3.823.962.836

Xây dựng cơ bản dở dang

1.482.778.415

28.763.018.149

Cải tạo hồ tuần hoàn (1)

-

5.192.293.188

Dự án Đầu tư dây chuyền sản xuất SOP 20.000 tấn/năm (2)

-

22.534.462.900

Các công trình XDCB dở dang khác

1.482.778.415

1.036.262.061

Cộng**20.016.046.626****32.586.980.985**

(1) Dự án Cải tạo hồ tuần hoàn được thực hiện theo quyết định số 127/QĐ-SPLT ngày 30/9/2024. Dự án có diện tích 15.000 m2 nằm trên địa phận khu Phương Lai, xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ với tổng mức đầu tư là 10.522.634.000 đồng bằng vốn tự có. Dự án thực hiện đầu tư các hạng mục chủ yếu là xây dựng bể chứa nước tuần hoàn, chống thấm lại toàn bộ bể tuần hoàn hiện có. Trong kỳ, Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

(2) Dự án Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất SOP công suất 20.000 tấn/năm được thực hiện theo Quyết định số 116/QĐ-SPLT ngày 20/8/2024. Dự án có diện tích 12.700 m² nằm trên địa phận khu Phương Lai, xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ với tổng mức đầu tư là 119.827.600.000 đồng bằng 70% vốn tự có và 30% vốn vay thương mại. Dự án thực hiện đầu tư các hạng mục chủ yếu là xây dựng mới dây chuyền sản xuất SOP. Giai đoạn kết thúc đầu tư là quý 2 năm 2026. Trong kỳ, Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

11. Chi phí chờ phân bổ	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.387.382.105	5.521.158.996
Chi phí mua bảo hiểm, chi phí quảng cáo chờ phân bổ	4.052.557.060	5.521.158.996
Chi phí khác chờ phân bổ	4.334.825.045	-
b) Dài hạn	8.979.653.154	10.051.704.806
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	5.138.754.796	7.356.374.074
Chi phí lắp biển hiệu	2.163.278.158	2.695.330.732
Chi phí khác chờ phân bổ	1.677.620.200	-
Cộng	17.367.035.259	15.572.863.802
12. Phải trả người bán	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.656.875.597	10.642.132.302
Công ty CP Bao bì và Thương mại Lâm Thao	17.741.185.716	18.526.736.675
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	7.717.023.735	15.437.709.738
Công ty CP Cơ khí Supe Lâm Thao	51.799.515.600	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Bắc Duyên Hải	-	16.113.743.100
Công ty TNHH Thương mại Thủy Ngân	61.439.964.279	114.505.655.550
Các đối tượng khác	141.354.564.927	175.225.977.365
Cộng	141.354.564.927	175.225.977.365
b) <i>Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3</i>		
13. Người mua trả tiền trước	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.559.127	1.460.931.127
Công ty CP Thương mại tổng hợp Quang Minh	84.950.640	354.276.664
Công ty TNHH Hóa chất Hoàng Ngân	505.401.222	1.027.736.506
Công ty TNHH Như Linh	-	889.661.018
Công ty CP Dịch vụ thương mại Hồng Thắng	-	871.463.816
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	-	945.366.245
Công ty CP Thương mại tổng hợp Toàn Văn	517.026.185	9.022.513.052
Các đối tượng khác	1.109.937.174	14.571.948.428
Cộng	1.109.937.174	14.571.948.428
b) <i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3</i>		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/6/2026
a) Phải nộp ngắn hạn				
Thuế GTGT	63.578.738	62.054.875	125.633.613	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	416.809.288	416.809.288	-
Thuế thu TNDN	12.608.936.555	12.641.496.631	21.065.026.761	4.185.406.425
Thuế thu nhập cá nhân	302.524.751	4.197.570.296	4.462.107.129	37.987.918
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	95.299.945	6.834.889.456	6.930.188.528	873
Cộng	13.070.339.989	24.152.820.546	32.999.765.319	4.223.395.216
b) Phải thu ngắn hạn				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.652.920.979	3.652.920.979	-	-
Thuế khác	27.732.181	27.732.181	-	-
Cộng	3.680.653.160	3.680.653.160	-	-

15. Chi phí phải trả

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí bảo lãnh, lãi đặt cọc	7.095.978.803	54.600.000
Trích trước chi phí lãi vay	525.136.700	625.440.737
Trích trước cước vận chuyển	7.648.852.809	-
Trích trước phí gửi kho	1.168.607.581	-
Trích trước chiết khấu thương mại	27.804.021.544	4.633.248.528
Trích trước chi phí trình diễn mô hình phân bón trên các loại cây trồng	5.200.457.049	5.200.457.049
Trích trước tiền điện phải trả, chi phí trả trước khác	216.307.837	2.038.265.555
Cộng	49.659.362.323	12.552.011.869

16. Phải trả khác

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.568.780.410	1.007.934.441
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.568.990.653	11.762.680.000
Tiền trang phục phải trả	8.270.000.000	-
Quỹ đóng góp của người lao động	1.813.134.149	1.166.539.441
Phải trả tiền chiết khấu	5.351.976.412	1.872.998.418
Các khoản phải trả khác	2.492.379.841	3.142.101.203
Cộng	32.065.261.465	18.952.253.503

CÔNG TY CP SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

Địa chỉ: Khu Phương Lai, xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a -DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2026		Trong kỳ		Đơn vị tính: VND 01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	639.533.983.345	639.533.983.345	1.534.156.209.529	1.607.302.480.254	712.680.254.070	712.680.254.070
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phú Thọ (1)	345.880.425.669	345.880.425.669	1.040.501.987.769	1.082.688.478.710	388.066.916.610	388.066.916.610
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương (2)	15.900.049.703	15.900.049.703	92.096.981.228	131.478.591.949	55.281.660.424	55.281.660.424
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Lâm Thao Phú Thọ (3)	48.696.132.485	48.696.132.485	96.846.001.277	96.892.182.857	48.742.314.065	48.742.314.065
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Phạm Hùng (4)	25.449.235.754	25.449.235.754	25.449.235.754	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Thọ (5)	55.311.821.770	55.311.821.770	76.931.484.269	91.576.435.430	69.956.772.931	69.956.772.931
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Phú Thọ (6)	89.802.929.171	89.802.929.171	99.802.929.171	95.125.991.908	85.125.991.908	85.125.991.908
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàng Mai (7)	58.493.388.793	58.493.388.793	102.527.590.061	109.540.799.400	65.506.598.132	65.506.598.132
Cộng	639.533.983.345	639.533.983.345	1.534.156.209.529	1.607.302.480.254	712.680.254.070	712.680.254.070

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

b) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 085/2026-HĐCVHM/NHCT240-2600108471 ngày 09/6/2026, hạn mức cho vay là 700 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 09/6/2026 đến ngày 09/6/2027, thời hạn cho vay từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng, lãi suất cho vay thả nổi, được điều chỉnh một tháng một lần và được ghi trên từng Giấy nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(2) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2026/HĐCVHM/NHCT242- SUPE ngày 15 tháng 6 năm 2026, hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 15/6/2026 đến ngày 15/6/2027, thời hạn cho vay từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng, lãi suất cho vay thả nổi, được điều chỉnh một tháng một lần và được ghi trên từng Giấy nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(3) Hợp đồng tín dụng số 2703LAV202400738 ngày 06/5/2024 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 2703LAV202400738.2026/HĐSDBS ngày 26/01/2026, hạn mức cấp tín dụng là 50 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực hạn mức cấp tín dụng là 36 tháng kể từ ngày ký, mục đích vay bổ sung vốn phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Lãi suất cho vay thả nổi, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(4) Hợp đồng tín dụng số SHBHNC/HDTD/790500026089 ngày 21/4/2023 và Hợp đồng gia hạn - Sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số SHBHNC/HDTD/790500026089/03 ngày 05/6/2026, hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là đến hết ngày 20/4/2027, thời hạn cho vay từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng, lãi suất cho vay thả nổi, được điều chỉnh 3 tháng/1 lần và được ghi trên từng Giấy nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(5) Hợp đồng tín dụng số 01/2025/404769/HĐTD ngày 25/6/2025, hạn mức cho vay là 70 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng nhưng không quá ngày 30/6/2026 kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay và lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(6) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 25BB/DN-DB/NHHM90 ngày 18/6/2025, hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày 18/6/2025, thời hạn cho vay từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 08 tháng, lãi suất cho vay thả nổi được ghi trên từng Giấy nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư Tài sản cố định, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(7) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2025/404769/HĐTD ngày 27/6/2025, hạn mức cho vay là 80 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không quá ngày 30/6/2026. Thời hạn vay và lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CP SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

Địa chỉ: Khu Phương Lai, xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a -DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

18. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2025	1.128.564.000.000	125.661.320.578	15.342.262.775	191.928.898.445	1.461.496.481.798
Lãi trong năm trước	-	-	-	164.226.967.082	164.226.967.082
Chia cổ tức	-	-	-	(135.427.680.000)	(135.427.680.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	16.867.426.839	-	(16.867.426.839)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.867.426.839)	(16.867.426.839)
Thưởng ban điều hành	-	-	-	(482.400.000)	(482.400.000)
Số dư tại ngày 31/12/2025	1.128.564.000.000	142.528.747.417	15.342.262.775	186.510.931.849	1.472.945.942.041
Lãi trong kỳ này	-	-	-	50.466.986.503	50.466.986.503
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	32.845.393.416	-	(32.845.393.416)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(16.422.696.708)	(16.422.696.708)
Thưởng ban điều hành (i)	-	-	-	(716.750.000)	(716.750.000)
Số dư tại ngày 30/6/2026	1.128.564.000.000	175.374.140.833	15.342.262.775	186.993.078.228	1.506.273.481.836

(i) Phân phối quỹ và thưởng ban điều hành theo Nghị quyết số 43/2026/NQ-ĐHĐCD-SPLT ngày 24/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty CP Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	787.919.850.000	787.919.850.000
Vốn góp của các cổ đông khác	340.644.150.000	340.644.150.000
Cộng	1.128.564.000.000	1.128.564.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

c) Các khoản giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	1.128.564.000.000	1.128.564.000.000
Vốn góp đầu kỳ	1.128.564.000.000	1.128.564.000.000
Vốn góp cuối kỳ	1.128.564.000.000	1.128.564.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	135.427.680.000

d) Cổ phiếu

	30/6/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	112.856.400	112.856.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	112.856.400	112.856.400
- Cổ phiếu phổ thông	112.856.400	112.856.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	112.856.400	112.856.400
- Cổ phiếu phổ thông	112.856.400	112.856.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

đ) Cổ tức

Theo Nghị quyết số 43/2026/NQ-ĐHĐCĐ-SPLT ngày 24/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty CP Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao thì Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10%/cổ phiếu.

19. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ**a) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2026	01/01/2026
Đồng đô la Mỹ (USD)	13.004,61	13.004,61

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty TNHH Hòa Bình	1.319.536.200	1.319.536.200
Công ty Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Phú Yên	259.406.803	259.406.803
Công ty Vật tư nông lâm nghiệp Phú Thọ	492.382.386	492.382.386
Các đối tượng khác	5.462.004.086	5.462.004.086
Cộng	7.533.329.475	7.533.329.475

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm, vật tư, hàng hóa, phế liệu	2.293.774.738.075	2.772.162.335.439
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.127.183.098	8.386.834.008
Cộng	2.314.901.921.173	2.780.549.169.447
b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chiết khấu thương mại	79.355.789.546	112.821.945.500
Cộng	79.355.789.546	112.821.945.500
3. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Giá vốn của thành phẩm, vật tư hàng hóa, phế liệu đã bán	1.959.166.267.047	2.260.372.789.685
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.748.057.282	4.990.498.583
Cộng	1.978.914.324.329	2.265.363.288.268
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
a) Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	6.434.818.620	16.990.219.351
Cổ tức, lợi nhuận được chia	435.000.000	883.630.000
Cộng	6.869.818.620	17.873.849.351
b) Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3		
5. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí đi vay	22.543.530.012	13.329.196.620
Chi phí tài chính khác	454.743.259	71.545.516
Cộng	22.998.273.271	13.400.742.136

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	73.452.260.392	103.565.346.900
Chi phí nhân viên	21.487.768.103	18.122.434.403
Chi phí vật liệu, bao bì	529.897.952	1.477.117.811
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.234.496.322	4.767.501.714
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.011.182.770	451.805.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.684.320.001	49.290.786.421
Chi phí bằng tiền khác	4.504.595.244	29.455.700.814
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	106.631.822.198	150.449.069.172
Chi phí nhân viên quản lý	34.718.665.510	44.371.929.118
Chi phí vật liệu quản lý	2.952.081.222	6.528.655.779
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.418.335.662	4.791.540.474
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.289.847.077	6.441.843.624
Thuế, phí và lệ phí	265.982.917	2.599.179.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.635.665.026	39.499.701.236
Chi phí bằng tiền khác	15.351.244.784	46.216.219.483
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(97.000.000)	(97.000.000)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(97.000.000)	(97.000.000)

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.311.787.400	1.481.470.000
Thu tiền vi phạm vùng	41.643.000	-
Thu tiền bảo hiểm cháy, nổ	-	613.216.400
Thu nhập khác	352.919.486	701.851.204
Cộng	2.706.349.886	2.796.537.604

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Chi phí trả các cá nhân tham gia thanh lý công cụ, dụng cụ	-	451.962.750
Chi phí khác	114.136.809	11.500.006
Cộng	114.136.809	463.462.756

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.693.878.254.788	1.893.963.835.688
Chi phí nhân công	265.609.756.088	306.214.220.281
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.178.303.561	34.174.567.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.555.092.701	193.058.629.643
Chi phí khác bằng tiền	29.679.999.781	91.869.451.235
Cộng	2.158.901.406.919	2.519.280.704.340
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63.108.483.134	155.252.701.670
Các khoản thu nhập được miễn thuế TNDN	435.000.000	883.630.000
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	534.000.020	6.714.085.000
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	63.207.483.154	161.083.156.670
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.641.496.631	32.216.631.334
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.		
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50.466.986.503	123.036.070.336
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(5.046.698.650)	(12.303.607.034)
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.046.698.650)	(12.303.607.034)
+ Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(5.046.698.650)	(12.303.607.034)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	45.420.287.853	110.732.463.302
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	112.856.400	112.856.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	402	981

(*) Số quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 được Công ty tạm trích bằng 10% lợi nhuận sau thuế theo điều 46 của Điều lệ tổ chức và hoạt động in sửa đổi lần thứ 12 ngày 07/6/2022 của Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.534.156.209.529	1.448.024.249.799
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.607.302.480.254	1.527.078.704.213

VIII. Những thông tin khác**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác*****Cam kết thuê hoạt động***

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

3. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư đáng kể trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí Supe Lâm Thao	Công ty liên kết
Công ty CP Bao bì và Thương mại Lâm Thao	Công ty liên kết
Công ty CP DAP - VINACHEM	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Trường Cao đẳng công nghiệp hóa chất Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Viện hoá học công nghiệp Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Trung tâm kỹ thuật môi trường và An toàn hoá chất - Chi nhánh Viện hoá học công nghiệp Việt Nam	Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Viện hoá học công nghiệp Việt Nam
Công ty CP Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam	Cùng Công ty mẹ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Công ty CP Hóa chất Việt Trì
 Công ty CP Xà phòng Hà Nội
 Ông Khúc Ngọc Giảng

Ông Nguyễn Quốc Anh

Ông Phạm Thanh Tùng

Ông Trần Đại Nghĩa

Ông Bùi Sơn Hải

Bà Nguyễn Thị Thùy Dương

Ông Nguyễn Quốc An

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Ông Đỗ Văn Tạo

Ông Vi Hoàng Sơn

Ông Lê Vinh Quang

Ông Nguyễn Văn Thọ

Cùng Công ty mẹ

Cùng Công ty mẹ

Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 22/4/2025)

Chủ tịch HĐQT (Hết nhiệm kỳ từ ngày 22/4/2025)

Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Phó Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 28/11/2025)

Trưởng Ban kiểm soát - Lương chuyên trách

Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 22/4/2025)

Thành viên Ban kiểm soát (Hết nhiệm kỳ từ ngày 22/4/2025)

b) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Bán hàng		
Công ty CP Cơ khí Supe lâm Thao	463.503.535	560.767.739
Công ty CP Bao bì và Thương mại Lâm Thao	229.896.117	1.595.112.209
Công ty CP Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam	35.605.957.828	23.218.306.000
Mua hàng		
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	248.791.647.522	245.677.125.940
Công ty CP Cơ khí Supe Lâm Thao	7.251.197.138	7.760.867.967
Công ty CP DAP - VINACHEM	17.552.179.260	23.544.581.935
Trường Cao đẳng công nghiệp hóa chất Việt Nam	82.000.000	88.200.000
Công ty CP Bao bì và Thương mại Lâm thao	25.225.357.069	32.967.024.917
Doanh thu hoạt động tài chính (Cổ tức, lợi nhuận được chia)		
Công ty CP Bao bì và Thương mại Lâm Thao	435.000.000	522.000.000
Công ty CP Cơ khí Supe Lâm Thao	-	361.630.000
Cổ tức đã trả		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	-	94.550.382.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

c) Số dư với các bên liên quan

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu của khách hàng		
Công ty CP Cơ khí Supe Lâm Thao	247.946.692	-
Công ty CP Bao bì và Thương mại Lâm Thao	191.217.313	-
Người mua trả tiền trước		
Công ty CP Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam	-	425.775.571
Công ty CP Bao bì và Thương mại Lâm Thao	-	57.070.493
Công ty CP Cơ khí Supe Lâm Thao	-	7.586.112
Phải trả người bán		
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	17.741.185.716	18.526.736.675
Công ty CP Cơ khí Supe Lâm Thao	7.717.023.735	15.437.709.738
Công ty CP Xà phòng Hà Nội	-	658.383.000
Công ty CP Bao bì và Thương mại Lâm Thao	2.656.875.597	10.642.132.302
Trung tâm kỹ thuật môi trường và An toàn hoá chất - Chi nhánh Viện hoá học công nghiệp Việt Nam	-	15.346.800

d) Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ:

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.908.631.792	1.599.365.922
Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	667.152.218	648.064.892
Cộng (*)	2.575.784.010	2.247.430.814

(*) Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ, cụ thể như sau:

Họ và tên	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
1. Thu nhập Ban Tổng giám đốc	1.540.453.458	1.217.109.063
Ông Phạm Thanh Tùng	433.617.820	450.199.939
Ông Trần Đại Nghĩa	369.328.652	383.454.562
Ông Nguyễn Quốc An	369.328.652	383.454.562
Ông Nguyễn Đức Mạnh	368.178.334	
2. Thu nhập các thành viên quản lý khác và kế toán trưởng	368.178.334	382.256.859
Ông Lê Hồng Thắng	368.178.334	382.256.859

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	204.000.000	204.000.000
Ông Khúc Ngọc Giảng	48.000.000	18.133.334
Ông Nguyễn Quốc Anh	-	29.866.666
Ông Phạm Thanh Tùng	39.000.000	39.000.000
Ông Bùi Sơn Hải	39.000.000	39.000.000
Ông Trần Đại Nghĩa	39.000.000	39.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	39.000.000	39.000.000
4. Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát	463.152.218	444.064.892
Ông Đỗ Văn Tạo	364.152.218	378.064.892
Ông Lê Vinh Quang	33.000.000	12.466.667
Ông Nguyễn Văn Thọ	33.000.000	20.533.333
Ông Vi Hoàng Sơn	33.000.000	33.000.000

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty CP Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.3, kể từ ngày 01/01/2026, Công ty đã áp dụng Thông tư số 99. Theo đó, một số số liệu năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Trình bày lại VND	Số sau trình bày lại VND
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025			
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	29.589.041	10.029.589.041
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	235.000.000.000	1.913.260.274	236.913.260.274
Phải thu ngắn hạn khác	2.068.829.013	(1.942.849.315)	125.979.698

Phê duyệt, ngày 02 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CP SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

Người lập

Nguyễn Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

Lê Hồng Thắng

Tổng Giám đốc



Phạm Thanh Tùng